

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 75/2024/HS-ST
Ngày 21-8-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ Tọa phiên tòa: Ông **Mai Tấn Đầu**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn D Khương** và Ông **Nguyễn Thành Thái**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Trần Thị Huyền Trang** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:*
Ông **Nguyễn Hoài Khanh** - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2024, Tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 62/2024/TLST-HS ngày 05 tháng 7 năm 2024 về tội “Cố ý gây thương tích” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 8 năm 2024 đối với các bị cáo:

01/ **Trần Văn D**, sinh ngày 24/9/2002 tại Nam Định; Nơi cư trú: Thôn PX, xã TTT, huyện VB, tỉnh ND; Chỗ ở hiện nay: Khu phố ML, thị trấn ML, huyện CT, tỉnh KG; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn T, sinh năm 1975 và bà Bùi Thị H, sinh năm 1972; Vợ là Hà Thị Thu T, sinh năm 1999 và có 01 người con sinh năm 2023; Tiền án, tiền sự: Không; Về nhân thân bị cáo: Vào năm 2020 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định xử phạt 27 tháng tù, về tội “Cố ý gây thương tích” theo Bản án hình sự sơ thẩm số: 36/2020/HS-ST ngày 10/8/2020, đã được xoá án tích; Vào năm 2019 bị cáo bị Công an huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Cố ý gây thương tích”, đã chấp hành xong; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/11/2023 tại Nhà tạm giữ Công an huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

02/ **Trần Huy C**, sinh ngày 12/02/1999 tại Kiên Giang; Nơi cư trú: ấp VT A, xã VHH, huyện CT, tỉnh KG; Chỗ ở hiện nay: ... PDL, phường AB, thành phố RG, tỉnh KG; Nghề nghiệp: Tài xế; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Huy Q, sinh năm 1963 và bà Kiên Thị D, sinh năm 1967; Vợ là Trần Thị Thuý Q, sinh năm 2003 và có 01 người con sinh năm 2023; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/11/2023 tại Nhà tạm giữ Công an huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

03/ **Nguyễn Văn S (N)**, sinh ngày 16/6/1988 tại Kiên Giang; Nơi cư trú: Tổ .., ấp TN, xã TH, huyện GR, tỉnh KG; Chỗ ở hiện nay: Khu phố ., phường RS, thành phố RG, tỉnh KG; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1962 và bà Phan Thị T (chết); Vợ là Phan Mỹ A, sinh năm 1990 và có 01 người con sinh năm 2009; Tiền án có 03 tiền án: Vào năm 2011 bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 95/2011/HS-ST ngày 30/5/2011, đến ngày 20/12/2011 bị cáo chấp hành xong hình phạt; Vào năm 2012 bị cáo bị Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xử phạt 04 năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc” tại Bản án hình sự phúc thẩm số: 153/2013/HS-PT ngày 06/8/2013, đến ngày 28/10/2016 bị cáo chấp hành xong hình phạt; Vào năm 2019 bị cáo bị Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xử phạt 04 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” tại Bản án hình sự phúc thẩm số: 93/2019/HS-PT ngày 18/6/2019 đến năm 2021 bị cáo chấp hành xong hình phạt; Tiền sự: Không; Về nhân thân bị cáo: Vào năm 2004 bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang xử phạt 03 năm tù, về tội “Cướp giật tài sản” tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 91/2004/HS-ST ngày 02/12/2004 đã được xóa án tích; Vào năm 2012 bị cáo bị Công an phường Rạch Sỏi, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi “Cố ý gây thương tích”; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/4/2024 tại Nhà tạm giữ Công an huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

04/ **Huỳnh Phước T**, sinh ngày 12/11/2002 tại Kiên Giang; Nơi cư trú: ấp HL, xã TL, huyện CT, tỉnh KG; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 4/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Huỳnh Phước Th, sinh năm 1982 và bà Thị O, sinh năm 1981; Vợ là Đoàn Minh

T, sinh năm 2003 (chưa đăng ký kết hôn) và có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2019 và nhỏ nhất sinh năm 2022; Tiền án, tiền sự: Không; Về nhân thân bị cáo: Vào năm 2019 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xử phạt 01 năm tù, về tội “Cưỡng đoạt tài sản” tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 15/2020/HS-ST ngày 08/5/2020, đã được xóa án tích. Bị cáo được cho tại ngoại để điều tra (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Bị hại:

1/ Ông **Thạch Đ**, sinh năm 1967 (có mặt)

2/ Anh **Thạch T**, sinh năm 1989 (có mặt)

Cùng trú tại: ấp HL, xã TL, huyện CT, tỉnh KG

Người tham gia tố tụng khác:

1/ Chị **Thạch Thị D**, là người làm chứng (có mặt)

2/ Chị **Thạch Y**, là người làm chứng (có mặt)

3/ Chị **Thạch Thị K**, là người làm chứng (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 16 giờ ngày 30/6/2023, Châu Tuyết N cùng các con là Thạch T, Thạch Y, Thạch Thị K, Thạch Thị D xảy ra mâu thuẫn rồi xô xát với Lâm Thị Ngọc T cùng các con của bà T là Trần Thị Thúy Q, Trần Thị Thúy Ng, Trần Văn D vì tranh giành vị trí bán rau tại dốc cầu Thông Lưu thuộc ấp HL, xã TL, huyện CT, tỉnh KG. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, Trần Văn D về phòng trọ của Trần Huy C đối diện Công khu Công nghiệp Thạnh Lộc và nhờ C chở vào nhà người đã đánh D lúc xô xát trên cầu thì C đồng ý. C điều khiển xe mô tô chở D đến trước dãy nhà trọ của Danh Q để đi cùng Q. Lúc này, vợ chồng Danh D đi trên xe mô tô Vision cùng S đi đến gặp Q để đòi tiền do Q nợ D trước đó. Tại đây, S hỏi Q có chuyện gì vậy thì Q không trả lời, sau đó, S nghe người gần đó nói vợ Q giành chỗ bán rau với người ta rồi bị người ta đánh. Q lấy điện thoại gọi cho ai đó, lát sau có 03 người T niên đi trên 02 xe mô tô chạy đến gặp Q có mang theo dao tự chế đặt trên xe và chở Q đi vào hướng cầu Thông Lưu để tìm nhà của người đã đánh vợ Q. S và Danh mỗi người điều khiển 01 xe đi theo sau nhóm của Q. C cũng chở D đi cùng, lúc này cậu của C là Lê Văn Trắng đi nhờ xe của C đến nhà trọ người em ruột là Lê Văn N thì xuống xe. Sau đó, T có nói với N về việc Q đi chém người ta, nên T điều khiển

xe mô tô chở Nam đi theo nhóm của Q để can ngăn Q. Khi nhóm của Q vừa qua khỏi cầu Thông Lưu một đoạn (đường vào nhà của bị hại thuộc ấp HL, xã TL, huyện CT, tỉnh KG), S chạy dẫn đầu thì gặp Huỳnh Phước T điều khiển xe mô tô chở Nguyễn Văn H1 đang chạy ngược chiều, S gọi T và hỏi nhà Thạch T ở đâu thì T chỉ vào xóm nhà đông đông rồi hỏi người ta. Hồ có hỏi T có quen biết với nhóm người này không thì T nói có quen biết với S nên chỉ đường cho S. Sau đó, nhóm của S đi vào theo hướng T chỉ nhưng không biết nhà T ở đâu nên dừng xe trước cửa nhà T. Lúc này, T chở Hồ đi công chuyện về thấy nhóm của S trước cửa nhà T, có người trong nhóm của Q hỏi T có biết nhà Thạch T ở đâu không thì T nói "biết, để em chỉ cho". Lúc này, T điều khiển xe chở H quay đầu xe chạy về hướng nhà của bị hại, nhóm của Q chạy theo. Khi đến nhà bị hại, T ra dấu cho nhóm của Q biết nhà bị hại rồi T chạy một đoạn khoảng 50 mét thì dừng xe lại để xem có chuyện gì. Sau khi xác định được nhà của bị hại, Q cùng bạn Q đập cổng rào, Q, bạn Q cùng D và C cầm dao tự chế xông vào nhà chém Thạch Đ và Thạch T gây thương tích. S cầm 01 cục đá ném vào hướng nhà của bị hại. Sau khi gây thương tích cho Thạch Đ và Thạch T thì nhóm của Q bỏ về. T và Hồ thì đi mua đồ ăn rồi về nhà T.

Tại Bản Kết luận giám định pháp y số: 605/KLTTCT-PY, ngày 07/8/2023 của Trung tâm Pháp y tỉnh Kiên Giang kết luận:

1. Các kết quả chính:

- Kết quả khám giám định:

+ Sẹo phần mềm vùng ngực trái.

+ Vết thương vai trái, đứt cơ gai delta, gãy 1 phần mồm cùng vai đã được điều trị. Hiện tại, còn hạn chế vận động khớp vai và giảm sức cơ vai trái.

+ Vết thương cẳng tay trái, đứt cơ gân gấp cổ tay trụ đã được phẫu thuật khâu nối gân.

+ Vết thương cổ tay trái, gãy xương thuyền mắt xương, xương thê, xương cả, đứt động mạch quay, đứt gân duỗi ngón tay cái ngắn- dài, gân duỗi cổ tay quay, gân duỗi ngón II, gân gấp cổ tay trụ, gân gấp ngón cái dài và đứt nhánh nông thần kinh quay trái đã được phẫu thuật khâu nối gân, mạch máu, thần kinh và kết hợp xương. Hiện tại, còn hạn chế chức năng vận động bàn tay trái và tổn thương nhánh dây thần kinh quay bên phải.

- Kết quả cận lâm sàng:

+ Xquang khớp vai trái thẳng: gãy 1 phần mồm xương cùng vai.

- + Xquang ngực thẳng: không thấy hình ảnh bất thường.
- + Xquang cẳng tay trái thẳng nghiêng: không thấy hình ảnh bất thường.
- + Xquang bàn tay trái thẳng, nghiêng: gãy xương thuyền mắt xương, xương the và xương cả đã được kết hợp xương.

+ Đo điện thần kinh cơ tay trái: tổn thương nhánh dây thần kinh quay bên trái; Vị trí tổn thương tương ứng vết thương khớp cổ tay bên trái.

2. Kết luận:

2.1. Căn cứ Thông tư số: 22/2019/TT-BYT ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Bộ Y tế quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Thạch Đ tại thời điểm giám định là: **53%** (Năm mươi ba phần trăm), áp dụng phương pháp cộng tại thông tư.

2.2. Tỷ lệ tổn thương do thương tích gây nên tại thời điểm giám định ở:

- Vùng ngực trái là: 02%.
- Vùng vai trái là: 21, 69%;
- Vùng cẳng tay trái là: 02 %;
- Vùng cổ tay trái là: 37,2 %.

2.3. Vật gây thương tích: Vật có cạnh sắc.

Tại bản kết luận giám định số 632/ KLTTCT-PY, ngày 15/8/2023 của Trung tâm Pháp y tỉnh Kiên Giang kết luận thương tích của ông Thạch T:

1. Các kết quả chính

- Kết quả khám giám định:
+ Vết thương vùng trán lệch phải, gây vỡ thành trước xoang trán đã được điều trị.

+ Sẹo phần mềm vùng cánh tay phải và bàn tay phải.

- Kết quả cận lâm sàng:

+ Xquang cánh tay phải thẳng, nghiêng: Không thấy hình ảnh bất thường.
+ Xquang bàn tay phải thẳng, nghiêng: Không thấy hình ảnh bất thường.
+ CT – Scan sọ não tái tạo 3D: Chưa ghi nhận hình ảnh tổn thương ở não trên Film; Vỡ thành trước xoang trán phải; Tụ dịch xoang trán phải và tụ dịch xoang sán, xoang hàm hai bên và xoang bướm phải.

+ Kết quả đo điện não đồ: không phát hiện sóng động kinh hay sóng chậm bất thường tại thời điểm đo trên bản ghi.

2. Kết luận

2.1. Căn cứ Thông tư số: 22/2019/TT-BYT ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Bộ Y tế quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Thạch T tại thời điểm giám định là: **14%** (Mười bốn phần trăm), áp dụng phương pháp cộng tại thông tư.

2.2. Tỷ lệ tổn thương do thương tích gây nên tại thời điểm giám định ở:

- Vùng trán lệch phải là: 11,73 %.

- Vùng cánh tay phải là: 02 %;

- Vùng bàn tay phải là: 01 %;

2.3. Vật gây thương tích: Vật có cạnh sắc.

Tại bản cáo trạng số: 73/CT-VKS-CT ngày 05/7/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang đã truy tố các bị cáo Trần Văn D, Trần Huy C, Nguyễn Văn S và Huỳnh Phước T về tội: “Cố ý gây thương tích” theo điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo với tội danh như trên và đề nghị HĐXX xử:

01/ Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; Điều 17; Điều 58; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 và Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Trần Văn D** từ 03 đến 04 năm tù.

02/ Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; Điều 17; Điều 58; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 và Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Trần Huy C** từ 03 đến 04 năm tù.

03/ Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 và Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn S** từ 03 đến 04 năm tù.

04/ Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; Điều 17; Điều 58; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 và Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Huỳnh Phước T** từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự đề nghị HĐXX áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 584; Điều 585; Điều 587 và Điều 590 Bộ luật dân sự, xử:

- Buộc các bị cáo Trần Văn D, Trần Huy C, Nguyễn Văn S và Huỳnh Phước T phải liên đới bồi thường cho ông Thạch Đ số tiền 18.838.000 đồng, trong đó bao gồm các khoản tiền như sau: Tiền viện phí 3.548.000 đồng; tiền thuốc 420.000 đồng; thu nhập lao động bị mất 07 ngày x 400.000 đồng = 2.800.000

đồng; chi phí ăn uống 07 ngày x 90.000 đồng = 630.000 đồng; chi phí đi lại của người chăm sóc: 07 ngày x 200.000 đồng = 1.400.000 đồng; chi phí đi lại của người chăm sóc: 350.000 đồng; chi phí thay mới bộ cửa nhà bị hư hỏng: 9.000.000 đồng; chi phí sửa chữa phụ tùng xe do bị hư hỏng 690.000 đồng.

- Buộc các bị cáo Trần Văn D, Trần Huy C, Nguyễn Văn S và Huỳnh Phước T phải liên đới bồi thường cho anh Thạch T số tiền 7.350.000 đồng, trong đó gồm các khoản tiền như sau: Tiền viện phí 2.000.000 đồng; tiền thuốc 1.850.000 đồng; mất thu nhập 07 ngày x 400.000 đồng = 2.800.000 đồng; chi phí đi lại 5 ngày x 50.000 đồng = 250.000 đồng; chi phí ăn uống 05 ngày x 90.000 đồng = 450.000 đồng.

Bị cáo Trần Văn D được khấu trừ số tiền 6.547.000 đồng và bị cáo Trần Huy C được khấu trừ số tiền 6.547.000 đồng đã tạm nộp trước tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Bị cáo Nguyễn Văn S được khấu trừ số tiền 4.000.000 đồng đã khắc phục trực tiếp cho các bị hại. Bị cáo T được khấu trừ số tiền 3.500.000 đồng đã khắc phục trực tiếp cho các bị hại.

Các bị cáo và bị hại không có ý kiến tranh luận về quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành.

Các bị cáo được nói lời sau cùng, các bị cáo xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Châu Thành, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục Quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiền hành tố tụng, người T hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng đã nêu, lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ

sơ, thể hiện: Vào ngày 30/6/2023 gia đình anh Thạch T có xảy ra cự cãi xô xát với gia đình Danh Q về việc tranh giành vị trí bán rau tại dốc cầu Thông Lưu nên vào khoảng 17 giờ cùng ngày Q cùng Trần Huy C, Trần Văn D, Nguyễn Văn S và 03 người bạn của Q (không rõ nhân thân lai lịch) mang hung khí là dao tự chế đi đến ấp Hoà Lộc, xã Thạnh Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang để tìm nhà của ông T nhưng do không biết nhà nên cả nhóm tìm không được. Lúc này, S gặp Huỳnh Phước T và S hỏi T có biết nhà của T không thì T nói biết. Sau đó, T dẫn cả nhóm đi đến nhà anh Thạch T. Tại đây, S cầm đá ném vào nhà còn Q, D và C xông vào dùng dao chém nhiều nhát vào người ông Thạch Đ gây thương tích 53% và chém nhiều nhát vào người anh Thạch T gây thương tích 14%.

Đối chiếu với pháp luật thì hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” được quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự như bản Cáo trạng mà VKS nhân dân huyện Châu Thành truy tố.

[3] Hành vi vi phạm pháp luật của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi này không những đã xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe của các bị hại mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự tại địa phương. Khi thực hiện hành vi, các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là sẽ gây nguy hiểm cho sức khỏe của bị hại nhưng các bị cáo vẫn bất chấp thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp và để mặc cho hậu quả xảy ra.

3.1 Trong vụ án này cho thấy giữa bị hại với các bị cáo D và C không xảy ra mâu thuẫn gì nhưng chỉ vì bệnh vực Q mà các bị cáo đã dùng bạo lực để giải quyết mâu thuẫn, các bị cáo sử dụng dao được xem là hung khí nguy hiểm gây thương tích cho anh T 14% và ông Đ 53%, điều này thể hiện tính chất côn đồ, xem thường pháp luật, trực tiếp xâm hại đến quyền nhân thân, sức khỏe của các bị hại được pháp luật bảo vệ. Do đó, cần xử phạt các bị cáo mức án nghiêm và cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để răn đe, giáo dục các bị cáo trở thành người dân biết tôn trọng pháp luật cũng như tính mạng sức khỏe người khác.

3.2 Còn đối với bị cáo S và T mặc dù hai bị cáo không trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của các bị hại nhưng nguyên nhân vụ án xảy ra xuất phát từ hai bị cáo nếu như hai bị cáo không tiếp tay chỉ nhà bị hại thì các bị cáo D và C không thể thực hiện được hành vi phạm tội. Các bị cáo phạm tội với vai trò giúp sức tạo điều kiện cho các bị cáo D và C hoàn thành. Do đó, hai bị cáo cũng phải chịu trách nhiệm hình sự tương ứng với hành vi mà các bị cáo C và D đã gây ra mới là tương

xứng. HĐXX nghị án thảo luận cần có mức án nghiêm để cải tạo, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân đối với các bị cáo:

4.1 Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo D, C và T không có tình tiết tăng nặng được quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự. Riêng bị cáo S có 01 tình tiết tăng nặng là tái phạm nguy hiểm được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

4.2 Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội các bị cáo đã tích cực động viên gia đình khắc phục hậu quả cho các bị hại và tại phiên tòa các bị hại xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên các bị cáo được áp dụng chung 03 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên HĐXX sẽ áp dụng thêm khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị cáo C là người có nhân thân tốt không có tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu; ông Nội bị cáo là người có công với cách mạng nên cần xem xét thêm cho bị cáo khi lượng hình là có căn cứ đúng pháp luật. Từ những đánh giá phân tích nêu trên, HĐXX nghị án thảo luận cân nhắc mức án vừa nhằm tạo điều kiện cho các bị cáo sửa đổi bản thân, sớm hoà nhập cộng đồng và sống có ích cho xã hội.

[5] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc định tội danh, khung hình phạt cũng như việc áp dụng các điều luật để xử lý vụ án là có căn cứ pháp luật nên HĐXX ghi nhận.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị hại ông Thạch T và anh Thạch Đ có ý kiến yêu cầu như sau:

6.1 Anh T yêu cầu các bị cáo phải liên đới bồi thường tiền viện phí là 2.000.000 đồng; tiền thuốc là 1.850.000 đồng; tiền mất thu nhập 07 ngày x 400.000 đồng = 2.800.000 đồng; chi phí đi lại 5 ngày x 50.000 đồng = 250.000 đồng; chi phí ăn uống 05 ngày x 90.000 đồng = 450.000 đồng. Tổng số tiền anh T yêu cầu bồi thường là 7.350.000 đồng, cụ thể mỗi bị cáo phải bồi thường là 1.837.500 đồng, ngoài ra anh không yêu cầu bồi thường gì thêm.

6.2 Ông Đ yêu cầu các bị cáo bồi thường tiền viện phí 3.548.000 đồng; tiền thuốc 420.000 đồng; thu nhập lao động bị mất 07 ngày x 400.000 đồng = 2.800.000 đồng; chi phí ăn uống 07 ngày x 90.000 đồng = 630.000 đồng; chi phí đi lại của người chăm sóc: 07 ngày x 200.000 đồng = 1.400.000 đồng; chi

phí đi lại của người chăm sóc: 350.000 đồng; chi phí thay mới bộ cửa nhà bị hư hỏng: 9.000.000 đồng; chi phí sửa chữa phụ tùng xe do bị hư hỏng 690.000 đồng. Tổng số tiền ông Đ yêu cầu bồi thường là 18.838.000 đồng, cụ thể yêu cầu mỗi bị cáo phải bồi thường là 4.709.500 đồng, ngoài ra ông không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Các bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của ông Đ và anh T. Bị cáo Trần Văn D và Trần Huy C mỗi bị cáo được khấu trừ số tiền 6.547.000 đồng đã tạm nộp trước tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Bị cáo S được khấu trừ số tiền 4.000.000 đồng đã bồi thường trực tiếp cho các bị hại, bị cáo T được khấu trừ số tiền 3.500.000 đồng đã khắc phục trực tiếp cho các bị hại. Xét sự thoả thuận trên là tự nguyện và không trái quy định pháp luật nên HĐXX ghi nhận để xem xét.

[7] Về đánh giá vật chứng, xử lý vật chứng: Do không thu giữ được nên HĐXX không xem xét.

[8] Về những vấn đề khác:

8.1 Đối với Danh Q, do hiện tại Quý bị bệnh tâm thần nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành đã tách ra thành một vụ án khác để xử lý sau là đúng theo quy định pháp luật nên HĐXX không xem xét.

8.2 Đối với 03 người bạn của Quý, do chưa xác định được nhân thân lai lịch nên chưa triệu tập làm việc được nên đề nghị cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành tiếp tục làm rõ nếu có căn cứ sẽ xử lý theo quy định pháp luật.

8.4 Còn đối với Lê Văn T, Lê Văn N, Danh D, Nguyễn Văn H. Trong quá trình điều tra đã chứng được những người này không liên quan đến vụ án nên không xem xét.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải có nghĩa vụ nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về điều luật áp dụng và tội danh:

1.1 Căn cứ vào điểm c khoản 3 Điều 134; Điều 17; Điều 58; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 và Điều 38 Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Trần Văn D, Trần Huy C và Huỳnh Phước T phạm tội: “Cố ý gây thương tích”.

1.2 Căn cứ vào điểm c khoản 3 Điều 134; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 và Điều 38 Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn S phạm tội: “Cố ý gây thương tích”.

2. Về hình phạt:

2.1 Xử phạt: Bị cáo **Trần Văn D 03** (ba) năm tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày 13/11/2023.

2.2 Xử phạt: Bị cáo **Trần Huy C 03** (ba) năm tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày 16/11/2023.

2.3 Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Văn S 03** (ba) năm tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày 25/4/2024.

2.4 Xử phạt: Bị cáo **Huỳnh Phước T 02** (hai) năm **06** (sáu) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án.

Áp dụng Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, tiếp tục tạm giam các bị cáo Trần Văn D, Trần Huy C và Nguyễn Văn S 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để đảm bảo thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 584; Điều 585; Điều 587 và Điều 590 Bộ luật dân sự, xử buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho các bị hại như sau:

3.1 Buộc các bị cáo Trần Văn D, Trần Huy C, Nguyễn Văn S và Huỳnh Phước T phải bồi thường cho anh Thạch T các chi phí điều trị thương tích và các chi phí khác như đã nêu tại phần 6.1 với tổng số tiền là 7.350.000 đồng. Cụ thể mỗi bị cáo phải bồi thường là 1.837.500 đồng.

3.2 Buộc các bị cáo Trần Văn D, Trần Huy C, Nguyễn Văn S và Huỳnh Phước T phải bồi thường cho ông Thạch Đ các chi phí điều trị thương tích và các chi phí khác như đã nêu tại phần 6.2 với tổng số tiền là 18.838.000 đồng. Cụ thể mỗi bị cáo phải bồi thường là 4.595.750 đồng.

Các bị cáo được khấu trừ số tiền đã khắc phục, bồi thường cho các bị hại cụ thể như sau:

- Bị cáo Trần Văn D được khấu trừ số tiền 6.547.000 đồng đã tạm nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang theo biên lai thu tiền số: 0004522 ngày 31/7/2024.

- Bị cáo Trần Huy C được khấu trừ số tiền 6.547.000 đồng đã tạm nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang theo biên lai thu tiền số: 0004787 ngày 26/7/2024.

- Bị cáo Nguyễn Văn S được khấu trừ toàn bộ số tiền 1.837.500 đồng đã khắc phục trực tiếp cho bị hại anh Thạch T và được khấu trừ số tiền 2.162.500 đồng đã khắc phục trực tiếp cho ông Thạch Đ, còn lại 2.433.250 đồng buộc bị cáo phải tiếp tục khắc phục cho ông Thạch Đ.

- Bị cáo Huỳnh Phước T được khấu trừ toàn bộ số tiền 1.837.500 đồng đã khắc phục trực tiếp cho bị hại anh Thạch T và được khấu trừ số tiền 1.662.500 đồng đã khắc phục trực tiếp cho ông Thạch Đ, còn lại 2.933.250 đồng buộc bị cáo phải tiếp tục khắc phục cho ông Thạch Đ.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, xử:

Buộc các bị cáo Trần Văn D, Trần Huy C, Nguyễn Văn S và Huỳnh Phước T mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm. Riêng bị cáo S và T mỗi bị cáo phải nộp thêm 200.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo và bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Công An huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Bị cáo và bị hại;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ Tọa phiên Tòa

Mai Tấn Đầu

